TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI
TỈNH KON TUM
Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày: 05 /8/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Xuân Hào và bà Lò Thị Sai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 26/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST - HS ngày 23/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ ngày 07/7/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 07/7/2020 đối với bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Văn T. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1981 tại T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng L, xã I, huyện I, tỉnh G. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hoá: 9/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947. Hiện sinh sống tại xã A, huyện Q, tỉnh T. Có vợ là Lê Thị M, sinh năm 1979 và 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012 đều trú tại Làng L, xã I, huyện I, tỉnh G. Tiền án: Không. Tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 11/7/2017 bị UBND tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính 75.000.000 đồng về hành vi "*Mua bán trái phép lâm sản*". Bị cáo chưa nộp phạt). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/01/2020 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Văn Q. Sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Hữu Q. Sinh năm 1985. Nơi cư trú: 282 Nguyễn Tri Phương, phường 7, TP. M, tỉnh T. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Nguyên K. Sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 8, phường I, TP. P, tỉnh G. (Có mặt)

4. Ông Nguyễn Khương T. Sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 4, xã I, huyện I, tỉnh G. (Có mặt)

5. Bà Lê Thị M. Sinh năm 1979. Nơi cư trú: Làng L, xã I, huyện I, tỉnh G. (Vắng mặt)

6. Ông Rơ Lan T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh G.

(Vắng mặt).

7. Bà Vũ Thị Q. Sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G. (Vắng mặt)

8. Ông Đặng Nguyễn H - Cán bộ điều tra Công an huyện I, tỉnh K. (Có mặt)

9. Ông Lê Trung H - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh K. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Ngọc T. Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G. (Có mặt)

2. Ông Hoàng C. Sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn 4, xã I, huyện I, tỉnh G. (Có mặt)

3. Ông Nguyễn Thái H. Sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 26/10/2018, Nguyễn Văn T *(trú tại: làng L, xã I, huyện I, tỉnh G)* mua 15 lóng gỗ Dầu có khối lượng là 13,712 m^3 của một người đàn ông tên H *(không rõ nhân thân lai lịch)* được tập kết tại lô cao su của nông trường 2, Công ty Duy Tân thuộc địa phận xã I, huyện I, tỉnh K với giá 4.000.000 đồng để vận chuyển về huyện I, tỉnh G bán kiếm lời.

Ngày 29/10/2018 Tuyển gọi điện thoại cho Hoàng Ngọc Th (*trú tại xã I, huyện I, tỉnh G, là lái xe của Chu Văn Q*) để thuê Th vận chuyển gỗ. Th đã thông báo cho Chu Văn Q (*là chủ xe ô tô BKS 49C-123.57)* và được Q đồng ý, Sau đó Th cùng Hoàng C (là phụ xe) điều khiển xe đi từ huyện I, tỉnh G đến cây xăng Hưng Long huyện I, tỉnh K đậu xe rồi vào nhà của T thuê tại xã I, huyện I, tỉnh K ăn cơm. Tại đây T nhờ Trần Văn Q (*trú tại làng T, xã K, huyện Đ, tỉnh G)* liên lạc với H đến nhà T nhận tiền mua gỗ và dẫn xe ô tô vào địa điểm tập kết gỗ. Khi H đến T đưa cho H 4.500.000 đồng (gồm 4.000.000đồng tiền gỗ và 500.000 đồng tiền công bốc gỗ lên xe). Đến khoảng 0h00 ngày 30/10/2018, T nói H đi cùng xe với Th và C để dẫn đường đến địa điểm tập kết gỗ. Đến nơi, C, H cùng 02 người đàn ông *(không rõ nhân thân, lai lịch)* sử dụng động cơ xe mô tô độ chế, ròng rọc, dây cáp để đưa gỗ lên xe. Sau khi bốc gỗ xong Th điều khiển xe đến bến phà thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh K để lên phà của Nguyễn Nguyên K (đã được T liên hệ vận chuyển gỗ từ trước), Nguồn gốc chiếc phà này ông K khai là K thuê của Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1985, trú tại Thành phố M, tỉnh T và thuê Nguyễn Thái H điều khiển để vận chuyển gỗ qua lòng hồ Sê San về xã I, huyện I, tỉnh G. Khi H điều khiển phà đi được một lúc thì ông K gọi điện thoại cho H yêu cầu H neo đậu phà tại khu vực lòng hồ Sê San vì trời đã sáng, sợ bị lực lượng chức năng phát hiện. Đến 09h sáng ngày 30/10/2018, khi phà đang neo đậu tại khu vực lòng hồ Sê San thuộc thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh K

thì bị Tổ công tác liên ngành của huyện I phát hiện, kiểm tra, bắt giữ. Khi bị bắt Th đã gọi điện thông báo cho T biết. Do T đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính về hành vi mua bán trái phép lâm sản với số tiền 75.000.000 đồng nhưng chưa nộp phạt vì sợ bị xử lý hình sự nên T nhờ Chu Văn Q tìm người đứng ra nhận là chủ số gỗ này thay cho mình. Q đồng ý và liên hệ với Nguyễn Khương T giúp T. Sau khi được Nguyễn Khương T đồng ý đứng ra nhận thay là chủ số gỗ bị bắt giữ, đến khoảng 17h30'ngày 30/10/2018, khi Th và C đang chờ cán bộ làm việc ở Hội trường Công an huyện I thì T và Q đã tự ý vào gặp Th nói với Th khai nhận với Cơ quan điều tra Nguyễn Khương T là chủ số gỗ Th chở. Sau khi được T thống nhất lời khai thì Th, T, K đều khai nhận với Cơ quan điều tra chủ số gỗ trên là Nguyễn Khương T.

Quá trình điều tra ban đầu bị cáo Nguyễn Văn T không khai nhận hành vi phạm tội của mình luôn quanh co, chối tội. Trong giai đoạn truy tố và điều tra bổ sung bị cáo đã khai nhận tội, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Tại Cáo trạng số 19 /CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo điểm m khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khẳng định bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*. Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 15 lóng gỗ tròn, chủng loại Dầu, khối lượng 13,712m^3.

Tịch thu $^1/_2$ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 49C-12357, nhãn hiệu CNHTC, loại xe tải tự đổ số máy WD615470802070256 57, số khung LZZ5EXNA28A289423 sung Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi mua 15 lóng gỗ với khối lượng là 13,712 m^3 (*chủng loại Dầu, thuộc nhóm V)* để vận chuyển về huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai với mục đích tư lợi cá nhân. Bị cáo nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Chu Văn Q, ông Nguyễn Khương T, Nguyễn Nguyên K nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến gì.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trung H có ý kiến: Trong quá trình xác minh các hợp đồng thuê xe, phà, tôi là Kiểm sát viên trực tiếp đi tham gia xác minh cùng cán bộ điều tra. Tôi đi cùng để xác minh việc có cán bộ điều tra đi thực hiện việc xác minh, không trực tiếp tham gia xác minh việc chứng thực các hợp đồng tại UBND các xã. Tuy nhiên, việc làm của tôi cũng đã gây ảnh hưởng đến vụ án nên tôi sẽ rút kinh nghiệm tránh mắc phải những sai sót như trên.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Nguyễn H có ý kiến: Trong quá trình điều tra vụ án, tôi là cán bộ điều tra trực tiếp đi xác minh tính hợp pháp của các hợp đồng thuê xe, phà. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận kết quả chứ không trực tiếp kiểm tra trình tự, thủ tục, hồ sơ dẫn đến không xác định được những hợp đồng này được lập khống. Sai phạm này xuất phát từ những hạn chế trong công tác nghiệp vụ chứ không cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án. Cơ quan cấp trên cũng đã có văn bản xử lý những sai phạm trên của tôi. Do đó, tôi sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm để không mắc phải những sai sót làm ảnh hưởng đến vụ án như trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi ba con nhỏ. Mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Q, ông Rơ Lan T, bà Lê Thị M, bà Vũ Thị Q, người làm chứng là ông Nguyễn Thái H vắng mặt, nhưng bà M, bà Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q, ông T, ông H có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2] Về hành vi, tội danh, áp dụng điều luật: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Ngày 26/10/2018, bị cáo đã có hành vi mua 15 lóng gỗ có khối lượng là 13,712 m^3 (*chủng loại Dầu, thuộc nhóm V)* của một người đàn ông tên H *(không rõ nhân thân lai lịch)* được tập kết tại lô cao su của nông trường 2, Công ty Duy

Tân thuộc địa phận xã Ia, huyện I, tỉnh K với giá 4.000.000 đồng để vận chuyển về huyện I, tỉnh G bán kiếm lời. Đến ngày 29/10/2018 bị cáo thuê Hoàng Ngọc Th vận **c**huyển gỗ đến bến phà thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh K rồi thuê phà của Nguyễn Nguyên K vận chuyển gỗ qua lòng hồ Sê San về xã I, huyện I, tỉnh Gia L. Khi phà đang neo đậu tại khu vực lòng hồ Sê San thuộc thôn 8, xã Ia Tơi, bị Tổ công tác liên ngành của huyện Ia H'Drai phát hiện, kiểm tra, bắt giữ.

Tuy khối lượng gỗ bị cáo mua để vận chuyển về huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai dưới mức quy định (dưới 20m^3) để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng trước đó vào ngày 11/7/ 2017 bị cáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ra Quyết định số 644/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 75.000.000 đồng về hành vi *"Mua lâm sản trái pháp luật"* nhưng chưa nộp phạt. Do đó, tổng hợp hành vi và hậu quả, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* quy định tại Điều 232 BLHS, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 BLHS như Cáo trạng số 19 /CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Bị cáo có đầy đủ năng lực và điều kiện để nhận thức được việc mua bán, vận chuyển gỗ không giấy tờ hợp pháp theo quy định đều bị xử lý nghiêm, nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, trên địa bàn huyện Ia H'Drai nói riêng, tỉnh Kon Tum nói chung các hành vi phá rừng, mua bán chế biến lâm sản trái phép diễn ra hết sức phức tạp, gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng và môi trường. Mặc dù, các cơ quan tiến hành tố tụng đã xử lý nghiêm những đối tượng vi phạm nhưng tình trạng khai thác rừng vẫn diễn biến phức tạp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội đồng, thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy nhiên, trong quá trình truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Cha bị cáo là ông Nguyễn Văn Tuệ, sinh năm 1947 là người có công trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế sau 30/4/1975. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS, nên xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội của mình luôn quanh co, đổ tội cho người khác nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình, gây khó khăn trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Ngoài ra, trong vụ án này còn có người đàn ông tên H (*không rõ nhân thân, lai lịch*) là người bán gỗ cho T, bị cáo chỉ biết H khoảng 37 tuổi, nước da ngăm đen, cao khoảng 1m62, có râu quai nón, làm công nhân của Công ty cao su Duy Tân. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công ty cao su Duy Tân và xã I, huyện I, tỉnh K nhưng không có ai tên H có đặc điểm như trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định đối tượng này nên sẽ tiếp tục xác minh làm rõ. Khi xác định được đối tượng vi phạm sẽ xử lý sau.

Đối với Chu Văn Q (*chủ xe ô tô 49C-123.57*), Nguyễn Nguyên K (*chủ phà*), Hoàng Ngọc Th (*lái xe ô tô*), Hoàng C (*phụ xe*), Nguyễn Thái H (*lái phà*) là người biết rõ việc T thuê chở gỗ nhưng vẫn chở. Kết quả xác minh tiền án, tiền sự thể hiện: Q, K, Th, H, C chưa có tiền án tiền sự liên quan đến việc hành vi mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép nên họ chỉ có vi phạm về hành chính trong lĩnh vực lâm sản. Do đó không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với những người này nên không đề cập.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được các hợp đồng thuê phà, thuê xe chở gỗ trong vụ án đều được lập khống *(về nội dung thuê và thời điểm ký hợp đồng)* nhưng đã được cán bộ UBND các xã I, I, huyện I, tỉnh G, UBND thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum chứng thực vào các hợp đồng thuê phà, thuê xe này do quen biết nhờ vả chứ không hưởng lợi ích vật chất gì từ việc chứng thực này. Sau đó UBND các xã lại tiếp tục xác nhận nội dung chứng thực các hợp đồng này là đúng. Hành vi của Rơ Lan T, Rơ Man J, Nguyễn Xuân T, Siu N, P, Trần Hương V không có dấu hiệu của tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum đã có văn bản gửi UBND huyện I, tỉnh Gvà UBND huyện Đ, tỉnh K để xử lý trách nhiệm của các cán bộ, công chức nêu trên theo quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng cho thuê chẹt (phà) ngày 15/9/2018 số chứng thực: 0230, Quyển số: 01/2018-SCT/CK,ĐC do Công chứng viên Lê Văn Sang chứng thực. Tại văn bản số 103/2018/CV-VPCC ngày 30/11/2018 của Văn phòng công chứng Tân Phước tỉnh Tiền Giang trả lời công văn số 87/VC(CSĐT) Công an huyện Ia H'drai ngày 30/11/2018 là Văn bản thuê phà này được chứng thực chữ ký vào lúc 16h ngày 09/11/2018 với mục đích che đậy sự thật và lừa dối Văn phòng Công chứng. Cùng ngày 30/11/2018 Văn phòng công chứng Tân Phước tỉnh Tiền Giang có văn bản số: 104/2018/CV-VPCC gởi Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang với nội dung *" Văn phòng Công chứng Tân Phước thông báo toàn quốc Văn bản thuê chẹt (phà) số chứng thực: 0230, Quyển số: 01/2018-SCT/CK,ĐC giữa ông Nguyễn Hữu Q và ông Nguyễn Nguyên K là vô hiệu"*.

Đối với cán bộ điều tra Đặng Nguyễn H, Lưu Văn H, điều tra viên Phạm Bá C, kiểm sát viên Lê Trung H đã có những sai phạm trong quá trình xác minh các hợp đồng thuê phà, thuê xe dẫn đến không xác định được những hợp đồng này được lập khống mà còn xác nhận việc chứng thực các hợp đồng thuê phà, thuê xe lập khống này là đúng quy định của pháp luật. Điều tra viên Phạm Bá C, cán bộ điều tra Đặng Nguyễn H còn vi phạm về việc lập biên bản thu giữ hợp

đồng thuê phà trước thời gian các đối tượng làm hợp đồng khống. Quá trình điều tra đã xác định điều tra viên, kiểm sát viên, cán bộ điều tra không có hành vi cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án nhưng đã ảnh hưởng đến việc làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum cũng đã có văn bản kiến nghị gửi Giám đốc Công an tỉnh Kon Tum đề nghị xử lý vi phạm của điều tra viên, cán bộ điều tra Công an huyện Ia H'Drai. Đối với kiểm sát viên Lê Trung H, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã có chủ trương tổ chức kiểm điểm sai phạm theo quy trình nên không đề cập.

Trong vụ án trên, còn có các đối tượng có hành vi mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép trên lòng hồ Sê San. Tuy nhiên, kết quả điều tra đã xác định rõ chủ gỗ của xe ô tô 82C- 008.83 là Lò Hữu T và Nguyễn Minh T thuê xe ô tô của ông Nguyễn Đ và thuê phà của ông Dương Văn Đ do Trần Văn T(lái phà) để vận chuyển gỗ. Còn chủ gỗ trên xe ô tô 78C-070.03 là Nguyễn Đức Q mượn xe của Trần Văn L và Châu Thị Hồng H để vận chuyển và thuê phà của Bùi Văn N để chở gỗ qua sông. Khối lượng gỗ trên 02 xe này chưa đủ khối lượng để xử lý hình sự theo quy định. Mặt khác kết quả xác minh Lò Hữu T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Hữu Q, Dương Văn Đ, Trần Văn T chưa có tiền án, tiền sự gì nên không có căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum đã đề nghị UBND tỉnh K xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm sản đối với những người này nên không xem xét.

Về nguồn gốc số gỗ trên 03 xe tô tô: Quá trình điều tra chưa xác định được ai là người đã bán gỗ cho T, Th, Q và chưa xác định được số gỗ này được khai thác ở đâu, Vào thời điểm nào? Nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị M không yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 15 (Mười lăm) lóng gỗ tròn, chủng loại Dầu, khối lượng 13,712m^3 là tang vật vi phạm trong vụ án nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 *(Một)* xe ô tô biển kiểm soát 49C-123.57, nhãn hiệu CNHTC, loại xe tải tự đổ số máy WD615470802070256 57, số khung LZZ5EXNA28A289423 đứng tên Đào Thị G, địa chỉ: Thôn 4, T, L, LĐ, bà Đào Thị G đã bán xe này cho ông Chu Văn Q nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bà G không có tranh chấp gì đói với xe ô tô biển kiểm soát 49C-123.57. Do đó, Chu Văn Q là chủ sở hữu hợp pháp đối với xe ô tô trên. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được Chu Văn Q biết việc bị cáo thuê xe của mình để chở gỗ nhưng vẫn chở. Mặc dù hành vi cho thuê xe vận chuyển gỗ trái phép của Q là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, nhưng đối với ô tô biển kiểm soát 49C-123.57 Q cho bị cáo T thuê được sử dụng trực tiếp vào việc vận chuyển gỗ trái phép, là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội bởi hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản. Do đó, cần tịch thu xe tô tô biển kiểm soát 49C-123.57 để sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh và tại phiên tòa ngày hôm nay đã xác định được chiếc xe ô tô biển

kiểm soát 49C-123.57 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông Chu Văn Q và bà Vũ Thị Q. Bà Q hoàn toàn không biết việc ông Q cho bị cáo T thuê xe để chở gỗ trái phép. Do đó, cần phải tịch thu $^1/_2$ giá trị của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 49C-123.57 tại thời điểm phát mãi tài sản để sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại $^1/_2$ giá trị tài sản còn lại tại thời điểm phát mãi cho bà Vũ Thị Q.

Đối với xe ô tô bán tải màu cam BKS 81C-112.29, nhãn hiệu FORD, màu sơn đỏ,vàng; số khung MNCUMFF50GW615566; số máy P5AT2250548 đăng ký vào ngày 25/10/2016, chủ xe Nguyễn Văn T. Vào ngày 30/10/2018 bị cáo có sử dụng chiếc xe này vào việc chạy cảnh giới để kịp thời phát hiện lực lượng chức năng và thông báo cho xe vận chuyển gỗ nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình. Vào tháng 4/2019 do nợ tiền mua gỗ từ năm 2017 của người đàn ông tên Q không rõ nhân thân lai lịch, nên bị cáo T đã gán nợ chiếc ô tô này cho Q để trừ nợ đối với số nợ 530.000.000 đồng và Q có đưa lại cho bị cáo T số tiền 60.000.000 đồng, tổng cộng là 590.000.000 đồng. Xe ô tô bán tải BKS 81C-112.29 là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng trong quá trình điều tra lại không thu hồi được, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu xác định giá trị thực tế của xe ô tô BKS 81C-112.29, qua điều tra xác minh cũng không xác định được đối tượng tên Q, hiện tại vật chứng của vụ án không còn, không xử lý được nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội để liên lạc trong quá trình mua gỗ, thuê xe, thuê phà theo lời khai của bị cáo là do đi làm rẫy rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 phà sắt của ông Nguyễn Hữu Q cho Nguyễn Nguyên Kh thuê để sử dụng vận tải hàng hóa. K đã dùng phà này chở gỗ cho bị cáo T. Việc cho thuê chở gỗ ông Q không biết, nên ngày 24/4/2020 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại phà cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 28 (Hai mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt tạm giam 17/01/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 15 (Mười lăm) lóng gỗ tròn, chủng loại Dầu, khối lượng 13,712m^3.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước $^1/_2$ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 49C-123.57, nhãn hiệu CNHTC, loại xe tải tự đổ số máy WD615470802070256 57, số khung LZZ5EXNA28A289423 tại thời điểm phát mãi tài sản để sung ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại $^1/_2$ giá trị tài sản còn lại tại thời điểm phát mãi cho bà Vũ Thị Q.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2020 của Công an tỉnh Kon Tum với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai).

Lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01*(một)* chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 49C-123.57, nhãn hiệu CNHTC, loại xe tải tự đổ số máy WD615470802070256 57, số khung LZZ5EXNA28A289423 mang tên Đào Thị G, địa chỉ: Thôn 4, Tân Thanh, L, LĐ và sẽ chuyển giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/8/2020) bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại xã (phường) nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Ia H'Drai;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- CCTHA DS huyện Ia H'Drai;
- Công an huyện Ia H'Drai;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Phòng hồ sơ PV27 Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Trọng Nguyên